
DỊCH VỤ NGÂN HÀNG PHI TRUYỀN THÔNG VÀ SỨC KHỎE TÀI CHÍNH CÁ NHÂN – BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM

Lê Trần Hà Trang

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: tranglth@neu.edu.vn*

Khúc Thế Anh

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: anhkt@neu.edu.vn*

Nguyễn Đức Dương

*Đại học Coventry
Email: nguyend27@uni.coventry.ac.uk*

Phương Kim Quốc Cường

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: 210860phuong.cuong@isneu.org*

Lê Diệu Linh

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: 11213167@st.neu.edu.vn*

Mã bài báo: JED-1589

Ngày nhận: 28/01/2024

Ngày nhận bản sửa: 06/02/2024

Ngày duyệt đăng: 16/02/2024

Mã DOI: 10.33301/JED.VI.1589

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá các yếu tố có ảnh hưởng tới sức khỏe tài chính thông qua việc sử dụng các dịch vụ ngân hàng phi truyền thống. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang và phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS-SEM) được chúng tôi áp dụng để phân tích 1.261 quan sát. Các phát hiện của nghiên cứu gồm: (1) Việc sử dụng Fintech có thể cải thiện sức khỏe tài chính của những người có kiến thức tài chính; (2) Dân trí tài chính giúp tăng sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân, sức khỏe tài chính và hành vi sử dụng Fintech của những người được giáo dục tài chính; (3) Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân không thể làm gia tăng Hành vi sử dụng Fintech của hai nhóm đối tượng trên. Từ đó, chúng tôi đưa ra một số gợi ý cho các doanh nghiệp phát triển Fintech tại Việt Nam.

Từ khóa: Dân trí tài chính, giáo dục tài chính, sức khỏe tài chính, Fintech, hành vi sử dụng Fintech.

Mã JEL: D14, D81, E44, G23.

Non-traditional banking services and personal financial well-being: Empirical evidence in Vietnam

Abstract:

The research is to evaluate factors affecting financial health by using non-traditional banking services. Cross-sectional research methods and linear structural model analysis (PLS-SEM) are applied to analyze 1,261 observations. The research findings show that: (1) Using Fintech can improve the financial well-being of people with financial literacy and financial socialization; (2) Financial literacy helps increase financial self-efficacy, financial well-being and using fintech behavior of people who has financial socialization; (3) Financial Self-efficacy cannot increase using Fintech behavior of the above group. Hence, some suggestions are offered for businesses developing Fintech in Vietnam.

Keywords: Financial literacy, financial socialization, financial well-being, Fintech, using Fintech behavior.

JEL code: D14, D81, E44, G23.

1. Mở đầu

Dịch vụ tài chính không chỉ được cung cấp bởi các ngân hàng, mà còn bởi các công ty dịch vụ tài chính (*financial technology – fintech*), và tạo ra một khái niệm mới được gọi chung là các dịch vụ ngân hàng phi truyền thống. Fintech ngày càng được thể hiện rõ ràng hơn vai trò của mình khi số lượng người dùng ngày càng ra tăng, và cũng giúp các cá nhân quản lý tài chính tốt hơn (Gai & cộng sự, 2018). Các nghiên cứu trước đây đã đề cập đến vấn đề những người có kiến thức, dân trí tài chính và sự tự tin vào năng lực tài chính cá nhân có thể cải thiện được sức khỏe tài chính (*financial well-being*) dựa vào việc sử dụng Fintech (Aulia & cộng sự, 2023) hay xem xét liệu những người hành vi tài chính có ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính thông qua Fintech (Sabri & cộng sự, 2023).

Một xu hướng khác tại các nước đang phát triển cho thấy, giáo dục tài chính sẽ giúp các cá nhân có sức khỏe tài chính tốt hơn (She & cộng sự, 2023). Nhưng bối cảnh mới đặt ra câu hỏi: trong điều kiện sử dụng các dịch vụ thông qua ứng dụng số, liệu sức khỏe tài chính có bị tác động bởi hành vi sử dụng những dịch vụ ngân hàng phi truyền thống hay không – tức những dịch vụ cung cấp qua các công ty Fintech?

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu và đóng góp cho chủ đề này, bài nghiên cứu của chúng tôi được trình bày với cấu trúc như sau: Phần 2 sẽ trình bày tổng quan các nghiên cứu trước đây và các giả thuyết nghiên cứu; Phần 3 sẽ trình bày phương pháp nghiên cứu; Phần 4 sẽ trình bày kết quả nghiên cứu cùng với các thảo luận dựa trên kết quả đó. Cuối cùng, nghiên cứu kết thúc với các phần về hàm ý chính sách và kết luận tổng thể.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết

2.1. Một số khái niệm

Sức khỏe tài chính là khả năng quản lý tài chính hàng ngày, đối mặt với các cú sốc tài chính, đạt được các mục tiêu tài chính, cũng như sự độc lập tài chính; trong đó hành vi, kiến thức và đặc điểm cá nhân về tài chính được xem xét là những yếu tố thúc đẩy sức khỏe tài chính (Brüggen & cộng sự, 2017; She & cộng sự, 2023). Nghiên cứu này đặt ra rằng sức khỏe tài chính là khả năng không chỉ nhận thức về tình hình tài chính mà còn có khả năng tự lập, đồng thời có khả năng đáp ứng những nhu cầu để trải nghiệm cuộc sống và kiểm soát được an toàn tài chính của mình.

Giáo dục tài chính là quá trình bồi dưỡng giá trị, xây dựng nền tảng về thái độ, tiêu chuẩn, kiến thức và hành vi hỗ trợ cho sự ổn định tài chính từ gia đình, bạn bè hoặc phương tiện truyền thông (LeBaron & cộng sự, 2020). Chúng tôi kế thừa nhận định trên và phát triển dựa trên *Family Financial Socialization theory* của Bandura (1986) và nhận thấy rằng giáo dục tài chính có thể tác động đến Hành vi sử dụng Fintech. Trong đó các yếu tố bên trong bao gồm: gia đình, nền tảng giáo dục và cả những yếu tố bên ngoài như truyền thông, các mối quan hệ xung quanh đều có thể dẫn tới Hành vi sử dụng Fintech của từng cá nhân.

Dân trí tài chính (*financial literacy*) được mô tả là sự kết hợp giữa hiểu biết và khả năng lựa chọn thông minh giữa các quyết định liên quan đến tài chính, từ đó đưa ra các ưu - nhược điểm, từ đó đưa ra những quyết định cá nhân mang tính chiến lược (Khúc Thế Anh & cộng sự, 2020; Lusardi, 2019; Lusardi & cộng sự, 2021). Trong bài nghiên cứu này, dân trí tài chính được định nghĩa là khả năng sử dụng những kinh nghiệm và kiến thức của mình để đưa lựa chọn tài chính một cách phù hợp. Nó gồm 3 cấu phần là thái độ tài chính, kiến thức tài chính và hành vi tài chính.

Dịch vụ ngân hàng phi truyền thống là toàn bộ các dịch vụ ngân hàng được định nghĩa theo Luật các Tổ chức Tín dụng (Quốc hội, 2010), nhưng được cung cấp bởi các công ty Fintech. Các dịch vụ phổ biến nhất trong nhóm này thanh toán, tiết kiệm và tín dụng. Các nghiên cứu tại thị trường Việt Nam chưa chỉ ra mối liên hệ giữa việc sử dụng các loại dịch vụ ngân hàng phi truyền thống hay sức khỏe tài chính. Cụ thể, những dịch vụ này hoặc Fintech chỉ được nghiên cứu theo khía cạnh người dùng sẽ tiếp nhận chúng thế nào hoặc chỉ được coi là bối cảnh để nghiên cứu về các yếu tố khác ví dụ như Dân trí tài chính như các nghiên cứu của Anh & Vinh (2022), Morgan & Trinh (2020).

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

2.2.1. Vai trò trung gian của Hành vi sử dụng Fintech

Hành vi sử dụng Fintech là cách thức mà mỗi cá nhân tương tác và sử dụng các ứng dụng Fintech để quản lý tài chính cá nhân (Meyliana & Fernando, 2019). Chúng tôi sử dụng quan điểm trên và góc nhìn của Kang

(2018), từ đó cho rằng hành vi sử dụng Fintech bao gồm việc các cá nhân dùng các ứng dụng của các công ty Fintech để thực hiện các dịch vụ ngân hàng phi truyền thống.

Hành vi sử dụng Fintech được cho rằng có tác động tích cực đến sức khỏe tài chính – tức là nó đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa giáo dục tài chính và sức khỏe tài chính. Cơ chế tác động của mối quan hệ này được các nghiên cứu trước chỉ ra là Giáo dục tài chính sẽ cách cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các quyết định tài chính một cách thông minh. Khi đó, người tiêu dùng sẽ tránh được các bẫy khi sử dụng dịch vụ tín dụng hay lừa đảo, đồng thời tạo ra được kế hoạch tài chính phù hợp. Chính vì có tác động đến Hành vi sử dụng mà nó cũng gián tiếp tác động đến Sức khỏe tài chính (Sabri & cộng sự, 2023; Lanz & cộng sự, 2020). Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

H1: Hành vi sử dụng Fintech làm trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Sức khỏe tài chính.

Gudmunson & Danes (2011) cho rằng dân trí tài chính, với vai trò là kết quả của giáo dục tài chính, có tác động tích cực đến hành vi tài chính & sức khỏe tài chính. Những người có dân trí tài chính hay chính là kiến thức tốt sẽ tìm được cách thức tiết kiệm, đầu tư phù hợp dựa vào việc sử dụng Fintech một cách hiệu quả, tích cực (Zhao & Zhang, 2020; Lusardi & Mitchell, 2008; Lusardi & Tufano, 2015). Ngoài ra, khi nâng cao dân trí tài chính (bằng kiến thức tài chính, thái độ tài chính, hành vi tài chính), việc sử dụng tài sản vào các mục tiêu tiêu dùng hay sinh lời sẽ rõ nét hơn (Taft & cộng sự, 2013). Giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H2: Hành vi sử dụng Fintech làm trung gian trong mối quan hệ giữa Dân trí tài chính và Sức khỏe tài chính.

Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân có thể được diễn giải là khả năng tự tin trong việc sử dụng các dịch vụ và sản phẩm tài chính, cũng như khả năng giải quyết các vấn đề tài chính phức tạp (Amatucci & Crawley, 2011). Chúng tôi sử dụng quan điểm trên trong nghiên cứu này.

Dare & cộng sự (2023); Bangun & Kurniyati (2022); Oquaye & cộng sự (2022) đã chỉ ra sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân được coi như một tác nhân mang tính tinh thần, có tác động đến Hành vi, cụ thể là sử dụng Fintech và gián tiếp tác động đến Sức khỏe tài chính, như một kết quả của việc sử dụng các sản phẩm công nghệ tài chính tiên phong. Vì thế:

H3: Hành vi sử dụng Fintech làm trung gian trong mối quan hệ giữa Sự tự tin, khả năng tài chính và Sức khỏe tài chính.

Tư duy đổi mới của người dùng là mức độ sẵn sàng chấp nhận và sử dụng một công nghệ mới của một cá nhân, theo Agarwal & Prasad (1998) hay Liébana-Cabanillas & cộng sự (2018). Dựa theo góc nhìn của Rogers (1995), được phát triển bởi Setiawan & cộng sự (2021); Liu & cộng sự (2021); Zhang & cộng sự (2018) đã chỉ ra tính đổi mới của người dùng có thể tác động đến Hành vi sử dụng Fintech và gián tiếp tác động đến Sức khỏe tài chính. Cơ chế tác động có thể được giải thích như sau: khi một người có mức độ cởi mở tiếp cận công nghệ cao, họ sẽ liên tục cập nhật và sử dụng các dịch vụ tài chính Fintech mới nhất. Điều này có thể tạo ra được trạng thái sức khỏe tài chính tốt do được hưởng lợi ích từ Fintech. Từ đó, chúng tôi đưa ra giả thuyết:

H4: Hành vi sử dụng Fintech làm trung gian trong mối quan hệ giữa Tư duy đổi mới của người dùng và Sức khỏe tài chính.

2.2.2. Vai trò trung gian của Dân trí tài chính

Tác động ngoại cảnh, cụ thể là giáo dục tài chính, có ảnh hưởng quan trọng đến kiến thức của người dùng hay dân trí tài chính (Ameliawati & Setiyani, 2018; Jorgensen & Savla, 2010). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng quá trình tiếp nhận và phát triển các kiến thức về tài chính cá nhân hay chính là dân trí tài chính bị ảnh hưởng bởi Giáo dục tài chính.

Bên cạnh đó, việc dựa vào Dân trí tài chính để đưa ra những hành vi tài chính đúng đắn, đạt được mục đích cũng góp phần tạo ra ổn định tài chính cho người dùng (Huston, 2010). Nghiên cứu trước đã chỉ ra rằng khi nền tảng kiến thức về tài chính tốt, họ sẽ càng có thiên hướng đưa ra các hành vi tài chính hiệu quả bao gồm việc đầu tư với sự hỗ trợ của Fintech. Chúng tôi đề xuất giả thuyết:

H5: Dân trí tài chính là trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Hành vi sử dụng tài chính.

Dân trí tài chính được coi là yếu tố nhận thức, có tác động đáng kể tới sự tự tin vào khả năng tài chính của một cá nhân (yếu tố hành vi). Theo cơ chế, khi một người tự tin hơn về khả năng tài chính của mình, họ sẽ có xu hướng thực hiện các hành động tài chính tích cực hơn, như tiết kiệm, đầu tư, và tránh các hành vi tiêu cực như mắc nợ (Rahayu & cộng sự, 2022; Noor & cộng sự, 2020). Chúng tôi cho rằng:

H6: Dân trí tài chính là trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân.

Dựa trên lý thuyết *Diffusion of Innovation* của Rogers (1995), sự đổi mới của một người dùng trong quá trình sử dụng một hệ thống cụ thể nào đó được cho là bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bao gồm hiểu biết cá nhân và trải nghiệm trong quá khứ. Quan điểm đã được nghiên cứu của Liu & cộng sự (2021) hay Setiawan & cộng sự (2021) chỉ ra cùng cơ chế: những người có nền tảng tài chính tốt hơn thường có khả năng đổi mới và sáng tạo cao hơn khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng phi truyền thống, được cung cấp bởi các công ty Fintech. Từ đó:

H7: Dân trí tài chính là trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Tư duy đổi mới của người dùng.

Gudmunson & Danes (2011), Farooq & cộng sự (2021) cho rằng những người có hiểu biết tài chính tốt hơn thường có mức độ ổn định tài chính cao hơn. Nghiên cứu của Qasim & Siddiqui (2021); Utkarsh & cộng sự (2020) cũng đã đồng thuận và đều chỉ ra cơ chế tác động tương tự. Dựa vào đó, chúng tôi đưa ra giả thuyết sau:

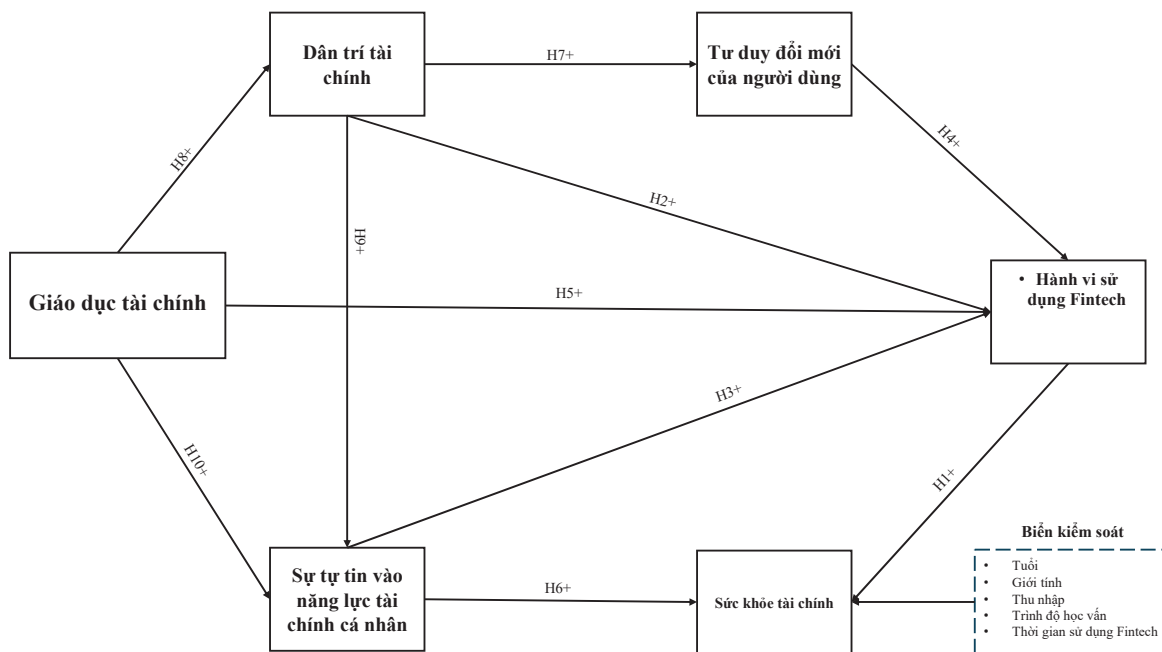
H8: Dân trí tài chính là trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Sức khỏe tài chính.

2.2.3. Vai trò trung gian của Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân

Theo mô hình *Social cognitive theory*, yếu tố Dân trí tài chính có tác động đến Sự tự tin vào năng lực tài chính cá nhân. Noor & cộng sự (2020) chỉ ra rằng những cá nhân có đầy đủ kiến thức & thông tin tài chính sẽ tự tin vào về khả năng của họ trong việc thực hiện các giao dịch thành công.

Theo Bandura (1977), đối với những cá nhân có sự tự tin cao vào khả năng tài chính của mình sẽ đạt được việc quản lý tài chính một cách hiệu quả hơn. Lý luận cũng được chấp thuận bởi các nghiên cứu của Dare &

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nhóm nghiên cứu phát triển.

cộng sự (2023); Setianingsih & cộng sự (2022). Ngoài ra, Shim & cộng sự (2009), Asebedo & Seay (2018) cho rằng những người có tự giác tài chính cao hơn sẽ có khả năng cảm nhận dịch vụ Fintech là hữu ích, hài lòng với chúng và tiếp tục sử dụng chúng. Vì vậy:

H9: Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân là trung gian trong mối quan hệ giữa Dân trí tài chính và Hành vi sử dụng Fintech.

Zhao & Zhang (2020); Ariati & cộng sự (2023) cũng chỉ ra rằng Giáo dục tài chính có tác động tới Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân, cuối cùng dẫn tới hành vi sử dụng Fintech thực tế. Nguyên nhân thể hiện ở khi được giáo dục tài chính (sớm), các cá nhân sẽ tự tin hơn về sử dụng dịch vụ tài chính (tìm kiếm được khuyến mãi hoặc tránh được rủi ro do lừa đảo). Do đó:

H10: Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân là trung gian trong mối quan hệ giữa Giáo dục tài chính và Hành vi sử dụng Fintech.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào các giả thuyết phía trên, chúng tôi phát triển mô hình nghiên cứu như Hình 1.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hai phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm: Phương pháp định tính và Phương pháp định lượng. Phương pháp định lượng sẽ được trình bày chi tiết tại Phần 4, nên phần này chỉ tập trung vào định tính.

Đối với phương pháp định tính, chúng tôi đã tổ chức phỏng vấn hai đối tượng chính: (1) Các chuyên gia tài chính cá nhân và các nhà phát triển dịch vụ Fintech gồm 12 cá nhân; (2) Các cá nhân sử dụng dịch vụ Fintech bao gồm 25 cá nhân. Chúng tôi thực hiện tại các cuộc phỏng vấn tại ba thành phố, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hà Nội. Các cuộc phỏng vấn phần lớn đều diễn ra online. Mỗi cuộc phỏng vấn đều được chúng tôi ghi âm và thảo luận trong tối đa 24 giờ. Thông qua những thông tin được tổng hợp, chúng tôi nhận ra rằng việc nghiên cứu về Dân trí tài chính, Giáo dục tài chính, Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân, Tư duy đổi mới của người dùng rất cần thiết, đặc biệt là tại Việt Nam. Ngoài ra, các chuyên gia cũng gợi ý cho chúng tôi các phương pháp nghiên cứu và sử dụng các thang đo phù hợp.

Dựa trên các gợi ý từ chuyên gia, chúng tôi đã sử dụng phương pháp định lượng. Chúng tôi đã xây dựng bảng hỏi với hai phần chính: (1) Phần đầu bao gồm các thông tin về nhân khẩu học bởi Wei & cộng sự (2019). (2) Phần hai bao gồm của bảng hỏi bao gồm: Dân trí tài chính bao gồm 7 câu hỏi bởi Widyastuti & cộng sự (2016) – được điều chỉnh theo OECD (2022), Anh & Vinh (2022); Tư duy đổi mới của người dùng bao gồm 3 câu hỏi Zhang & cộng sự (2018); Hành vi sử dụng Fintech bao gồm 9 câu hỏi Ndassi & cộng sự (2023); Sức khỏe tài chính bao gồm 4 câu hỏi Gutter & Copur (2011); Giáo dục tài chính bao gồm 6 câu hỏi bởi Radianto & Suryanto (2023); Sự tự tin vào khả năng tài chính bản thân Lown (2011). Trong phần này, chúng tôi đã áp dụng thang đo Likert 5 điểm với mức (1) đại diện cho Hoàn toàn không đồng ý và mức (5) đại diện cho Hoàn toàn đồng ý.

Chúng tôi đã sử dụng phương pháp phát bảng hỏi giấy cùng với phỏng vấn để đảm bảo chất lượng câu trả lời thu được chính xác nhất. Mỗi cá nhân tham gia phỏng vấn đều được chúng tôi trả một khoản tiền cảm ơn. Kết quả phỏng vấn được nhập liệu trên Excel 2016, sau đó được lọc bỏ câu trả lời không phù hợp, xử lý bằng SMARTPLS 4.0.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi đã thu thập được 1.334 câu trả lời, tuy nhiên chỉ có 1.261 quan sát được sử dụng sau khi các câu trả lời trùng lặp hoặc không có mục đích được loại bỏ. Các đặc tính nhân khẩu học của các quan sát được thể hiện trong Bảng 1.

Phần lớn người tham gia khảo sát là nam giới, chiếm 57,73% số lượng người tham gia khảo sát. Thu nhập bình quân của họ rơi chủ yếu vào khoảng dưới 15 triệu đồng/tháng. Có tới hơn 70% số lượng người tham gia khảo sát trong nhóm này. Mức thu nhập này phần nào đó cũng phản ánh được trình độ học vấn của những người tham gia khảo sát (mức thu nhập của người dân Việt Nam tuy ở mức trung bình thấp – nhưng vẫn khá

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học

Thông tin nhân khẩu học	Đặc tính	Tần suất	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	728	57,73%
	Nữ	533	42,27%
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	Dưới 10	562	44,57%
	Từ 10 đến dưới 15	355	28,15%
	Từ 15 đến dưới 20	215	17,05%
	Từ 20 đến dưới 25	74	5,87%
	Trên 25	55	4,36%
Trình độ học vấn	Đến trung học phổ thông	454	36,02%
	Trung cấp và Cao đẳng	389	30,84%
	Cử nhân, kỹ sư hoặc các chương trình sau đại học	418	33,14%
Thời gian sử dụng Fintech	Dưới 1 năm	353	27,99%
	1 – 2 năm	310	24,58%
	2 – 3 năm	146	11,58%
	3 – 4 năm	310	20,06%
	Trên 4 năm	199	15,79%

Nguồn: Nhóm nghiên cứu phát triển.

thấp so với các nước trên thế giới – theo World Bank (2019)). Cuối cùng, hầu hết nhóm tham gia khảo sát đều đã sử dụng Fintech trong vòng 2 năm (chiếm tới hơn 50% số lượng người tham gia khảo sát).

4.2. Kết quả kiểm định mô hình

Để đánh giá độ tin cậy mô hình đo lường, chúng tôi đã sử dụng phương pháp PLS-SEM của Hair Jr & cộng sự (2020) sau khi nghiên cứu thỏa mãn *PLS-SEM algorithm* đạt điều kiện (*iteration* < 3.000); *Outer loading* của các biến tiềm ẩn đều trên 0,708 (ngoại trừ các biến UFB1,4,5,8,9; và FSE 7,8); VIF của các biến tiềm ẩn còn lại cũng thỏa mãn điều kiện nhỏ hơn 5. Kết quả kiểm định được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2: Kiểm định độ tin cậy mô hình

Variables	Cronbach's alpha (CA)	Composite reliability (rho a) (CR)	Average variance extracted (AVE)
Dân trí tài chính (FL)	0,763	0,767	0,583
Giáo dục tài chính (FS)	0,742	0,743	0,564
Sự tự tin vào khả năng tài chính cá nhân (FSE)	0,880	0,883	0,626
Tư duy đổi mới của người dùng (UI)	0,700	0,703	0,625
Hành vi sử dụng Fintech (UFB)	0,759	0,759	0,580
Sức khỏe tài chính (FWB)	0,810	0,811	0,637

Nguồn: Nhóm nghiên cứu phát triển.

Dựa vào các kết quả được cung cấp ở Bảng 2, có thể đánh giá rằng tất cả các latent variables xuất hiện trong mô hình đo lường đều thể hiện mức độ tin cậy tốt. Đối với mức độ tin cậy, các hệ số Cronbach Alpha, Composite Reliability của tất cả các biến đều thỏa mãn mức lớn hơn 0,7; hệ số AVE cao hơn 0,5. Sau khi tất cả các biến trong mô hình đo lường của nghiên cứu đã đảm bảo tính reliability và validity, chúng tôi thực hiện phương pháp Bootstrapping để kiểm định các giả thuyết, kết quả Bootstrapping được thể hiện lần lượt trong Bảng 3.

Dựa vào Bảng 3, có thể thấy, các giả thuyết, H1; H2; H5; H6; H8 được ủng hộ với hệ số P-value nhỏ hơn 0,05. Tuy nhiên, với mức độ tin cậy 95% đối với các giả thuyết còn lại bao gồm H3; H4; H7; H9; H10 thì không được ủng hộ với P-value lớn hơn 0,05. Tất cả các kết quả Bootstrapping của các giả thiết nói trên được biểu thị dưới dạng mô hình trong Hình 2.

4.3. Thảo luận kết quả và hàm ý chính sách

Bảng 3: Tổng hợp kết quả Bootstrapping

Giả thuyết	Biến độc lập	Biến trung gian	Biến phụ thuộc	Hệ số tác động gián tiếp	P_value (<0,05)	Loại trung gian
1	FS	UFB	FWB	0,095	0	Trung gian một phần
2	FL			0,083	0	Trung gian một phần
3	FSE			0,016	0,155	Không có tác động trung gian
4	UI			0,02	0,061	Không có tác động trung gian
5	FS	FL	UFB	0,034	0	Trung gian một phần
6			FSE	0,008	0,03	Trung gian một phần
7			UI	0,002	0,127	Không có tác động trung gian
8			FWB	0,043	0,01	Trung gian một phần
9	FL	FSE	UFB	0,002	0,235	Không có tác động trung gian
10	FS			0,004	0,169	Không có tác động trung gian

Nguồn: Kết quả từ SMARTPLS 4.0.

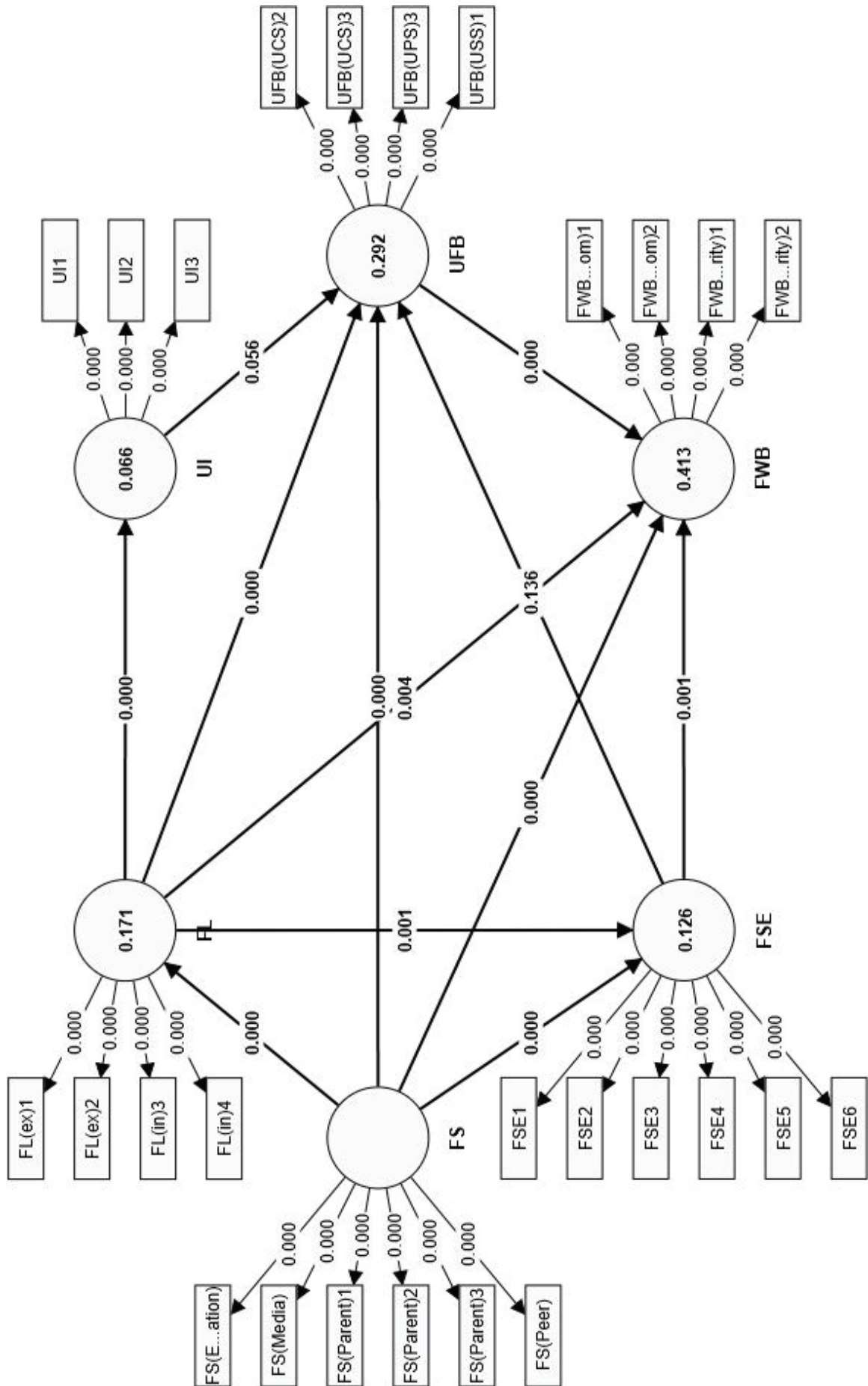
Đầu tiên, nghiên cứu của chúng tôi đã làm rõ vai trò trung gian của Hành vi sử dụng Fintech, bao gồm các giả thuyết H1; H2; H3; H4. Tuy nhiên, các giả thuyết 3 và 4 không được ủng hộ dẫn đến kết quả nghiên cứu của chúng tôi chưa được đồng thuận với các nghiên cứu của Dare & cộng sự (2023); Setiawan & cộng sự (2021) nhưng lại được ủng hộ bởi các nghiên cứu như Lanz & cộng sự (2020) hay Sabri & cộng sự (2023). Như vậy, chỉ cần có dân trí tài chính cao hoặc được giáo dục tài chính tốt thì khi dùng Fintech, người dùng sẽ cải thiện được sức khỏe tài chính. Có thể kết luận rằng việc nâng cao sức khỏe tài chính bằng Fintech chỉ có thể được nắm bắt bởi những người có kiến thức. Tuy nhiên, để có thể mở rộng hơn tới những người chưa có kiến thức nền tảng, cần phải đẩy mạnh sự phát triển của truyền thông cũng như các trải nghiệm dịch vụ dễ dàng ví dụ như thanh toán, cho vay, tiết kiệm một chạm, hoặc thể chấp trực tuyến nhằm kích thích người tiêu dùng tìm hiểu, sử dụng và thoát ly khỏi các dịch vụ truyền thống.

Ngoài ra, một góc độ khác mà chúng tôi đưa ra về giáo dục tài chính cần được quan tâm. Dân trí tài chính – theo nhiều các nghiên cứu đi trước – được cho là có ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính và cũng tác động đến việc sử dụng các dịch vụ tài chính phi ngân hàng. Trong mục tiêu tài chính toàn diện của Việt Nam, việc giáo dục trở nên cần thiết để thế hệ mới (gen Alpha và các thế hệ sau) có thể sử dụng tiền một cách phù hợp. Việc đưa các môn học như kinh tế học, tài chính cá nhân xuống các trường cấp ba nên được cân nhắc. Một khía cạnh khác về giáo dục tài chính sớm như đưa các môn học liên quan đến tài chính cá nhân cần được triển khai vào các trường đại học.

Bên cạnh đó, chúng tôi đã chứng minh được vai trò trung gian của Dân trí tài chính, bao gồm H5, H6, H7 và H8 – tức là những người được giáo dục tài chính và có dân trí tài chính cao sẽ có được sự tự tin vào năng lực tài chính bản thân, có xu hướng tham gia sử dụng dịch vụ tài chính Fintech nhiều hơn và đạt được sức khỏe tài chính tốt. Kết quả nghiên cứu này được đồng thuận bởi nhiều nghiên cứu khác nhau trên thế giới như Ameliawati & Setiyani (2018); Rahayu & cộng sự (2022); Qasim & Siddiqui (2021). Từ đó có thể thấy, Fintech ở Việt Nam đang dần dần được công nhận bởi nhóm người dùng có kiến thức tài chính tốt. So với các số liệu về dân trí tài chính hay ứng dụng Fintech tại Việt Nam của Anh & Vinh (2022), Đào Hồng Nhung & cộng sự (2020), Lê Thanh Tâm (2022), đây là một sự phát triển vượt bậc về mặt phổ cập kiến thức tài chính. Tuy nhiên, kết quả của chúng tôi cũng chỉ ra, dân trí tài chính cao không thể làm tăng tinh thần đổi mới của người dùng dù họ được giáo dục tài chính. Sự e ngại về những rủi ro công nghệ vẫn được thể hiện ở người dùng, chứng tỏ các dịch vụ Fintech tuy có hiệu quả nhưng có thể vẫn còn rủi ro bảo mật. Từ kết quả trên, chúng tôi gợi ý tích hợp bảo mật sinh trắc học cho tất cả giao dịch để đảm bảo rút ngắn thời gian giao dịch và tính bảo mật.

Cuối cùng, nhóm nghiên cứu chưa chứng minh được vai trò trung gian của sự tự tin vào tài chính cá nhân, bao gồm các giả thuyết H9; H10 – tức là những người được giáo dục tài chính và có dân trí tài chính sẽ có hành vi sử dụng Fintech mà không cần tới sự hỗ trợ của tự tin vào khả năng tài chính cá nhân. Kết quả

Hình 2: Kết quả Bootstrapping



nghiên cứu này được ủng hộ bởi các nghiên cứu của Ariati & cộng sự (2023). Điều này thể hiện rõ họ rất cởi mở trong việc sử dụng, coi Fintech như một cách để họ có thể quản trị tài chính tốt hơn. Vì thế, vấn đề về thúc đẩy tính năng, tăng khả năng quản trị bảo mật, rủi ro như đã đề cập ở trên nhằm thu hút được nhóm khách hàng này.

5. Kết luận

Trong số 10 giả thuyết được xây dựng đã có 5 giả thuyết được hỗ trợ bao gồm H1, H2, H5, H6, H8 trong khi 5 giả thuyết còn lại bị từ chối bao gồm các giả thuyết 3, 4, 7, 9, 10. Điểm đáng kể nhất trong nghiên cứu này là chứng minh được (1) Vai trò trung gian của Hành vi sử dụng Fintech; (2) Vai trò trung gian của Dân trí tài chính; (3) Vai trò trung gian của Sự tự tin vào năng lực tài chính cá nhân.

Chúng tôi cũng thừa nhận một số hạn chế của nghiên cứu. Thứ nhất, vấn đề về nhân khẩu học. Mỗi một cá nhân khác nhau – do hoàn cảnh gia đình, điều kiện làm việc, giới tính, hôn nhân... sẽ có một góc nhìn về tài chính cá nhân. Do vậy, cần kiểm định vấn đề nhân khẩu học. Thứ hai, kết quả phỏng vấn sâu cũng thấy rằng giáo dục tài chính có tác động trực tiếp đến sức khỏe tài chính, nhưng chưa được kiểm định trong nghiên cứu này. Cuối cùng, trong tôi có đánh giá giáo dục tài chính, nhưng một số nghiên cứu mà chúng tôi được biết tiếp cận nhóm người trẻ, được giáo dục tài chính sớm. Giáo dục sớm sẽ tác động đến sức khỏe tài chính cá nhân. Đây là hướng đi sẽ được bổ khuyết trong thời gian tới.

Ngoài ra, có một khó khăn mà chúng tôi chưa xử lý được. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng tôn giáo có thể tác động đến sức khỏe tài chính, nhưng chúng tôi không thể xác định được ai là người theo đạo Phật (trong khi 12 tôn giáo khác ở Việt Nam lại được xác định rất dễ dàng). Hầu hết những người được phỏng vấn hoặc trả lời bảng hỏi đều đi chùa tối thiểu vài lần trong một năm, thậm chí chịu ảnh hưởng lớn từ tư tưởng nhà Phật, nhưng họ cho rằng mình không theo đạo Phật. Chúng tôi mong muốn nhận được góp ý về vấn đề này.

Tài liệu tham khảo:

- Agarwal, R. & Prasad, J. (1998), 'A conceptual and operational definition of personal innovativeness in the domain of information technology', *Information systems research*, 9(2), 204-215.
- Amatucci, F.M. & Crawley, D.C. (2011), 'Financial self-efficacy among women entrepreneurs', *International Journal of Gender and Entrepreneurship*, 3(1), 23-37.
- Ameliawati, M. & Setiyani, R. (2018), 'The influence of financial attitude, financial socialization, and financial experience to financial management behavior with financial literacy as the mediation variable', *KnE Social Sciences*, 3(10), 811-832.
- Anh, K.T. & Vinh, T.T. (2022), 'Impact of financial literacy on Vietnamese students' spending management', *VNU Journal of Economics and Business*, 2(2), 95-102.
- Ariati, Y., Buchdadi, A.D. & Gurendrawati, E. (2023), 'Financial literacy and family financial socialization: Study of its impact on financial well-being as mediated by financial self-efficacy', *The International Journal of Social Sciences World (TIJOSSW)*, 5(2), 123-140.
- Asebedo, S.D. & Seay, M.C. (2018), 'Financial self-efficacy and the saving behavior of JFCP_29_2_A15_357-368-retirees', *Journal of Financial Counseling and Planning*, 29(2), 357-368.
- Aulia, A., Rahayu, R. & Bahari, A. (2023), 'The influence of digital financial literacy on financial well-being with financial behavior as a moderation variable: Communities in West Sumatra', *Jurnal Akuntansi*, 13(2), 141-149.
- Bandura, A. (1977), 'Self-efficacy: toward a unifying theory of behavioral change', *Psychological review*, 84(2), 191-215.
- Bandura, A. (1986), 'Social foundations of thought and action', *Englewood Cliffs*, 1986(2), 23-28.
- Bangun, B.P.P. & Kurniyati, N.N. (2022), 'The role of financial behavior in mediation the influence of financial literacy and financial self-efficacy on financial well-being', *International Journal of Economics and Management Research*, 1(3), 166-176.
- Brüggen, E.C., Hogreve, J., Holmlund, M., Kabadayi, S. & Löfgren, M. (2017), 'Financial well-being: A

conceptualization and research agenda', *Journal of business research*, 79, 228-237.

- Dare, S.E., van Dijk, W.W., van Dijk, E., van Dillen, L.F., Gallucci, M. & Simonse, O. (2023), 'How executive functioning and financial self-efficacy predict subjective financial well-being via positive financial behaviors', *Journal of Family and Economic Issues*, 44(2), 232-248.
- Đào Hồng Nhung, Trần Thanh Thu & Nguyễn Minh Tuấn (2020), 'Tác động của Fintech đối với tài chính toàn diện: Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia và một số khuyến nghị cho Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 276, 41-48.
- Farooq, S.H., Shah, S.Z.A. & Rasheed, S. (2021), 'Impact of financial attitude, financial literacy and parental financial socialization on prudent financial management practices: A moderating effect of financial well-being among the youth of Pakistan', *Abasyn University Journal of Social Sciences*, 14(1), 14-33.
- Gai, K., Qiu, M. & Sun, X. (2018), 'A survey on FinTech', *Journal of Network and Computer Applications*, 103, 262-273.
- Gudmunson, C.G. & Danes, S.M. (2011), 'Family financial socialization: Theory and critical review', *Journal of Family and Economic Issues*, 32(4), 644-667.
- Gutter, M. & Copur, Z. (2011), 'Financial behaviors and financial well-being of college students: Evidence from a national survey', *Journal of Family and Economic Issues*, 32(4), 699-714.
- Hair Jr, J.F., Howard, M.C. & Nitzl, C. (2020), 'Assessing measurement model quality in PLS-SEM using confirmatory composite analysis', *Journal of Business Research*, 109, 101-110.
- Huston, S.J. (2010), 'Measuring financial literacy', *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 296-316.
- Jorgensen, B.L. & Savla, J. (2010), 'Financial literacy of young adults: The importance of parental socialization', *Family relations*, 59(4), 465-478.
- Kang, J. (2018), 'Mobile payment in Fintech environment: trends, security challenges, and services', *Human-centric Computing and Information sciences*, 8(1), 1-16.
- Khúc Thế Anh, Phạm Bích Liên & Bùi Kiên Trung (2020), 'Nhân tố tác động đến dân trí tài chính của người nghèo khu vực nông thôn Việt Nam', *Kinh tế & Phát triển*, 272, 42-51.
- Lanz, M., Sorgente, A. & Danes, S.M. (2020), 'Implicit family financial socialization and emerging adults' financial well-being: A multi-informant approach', *Emerging Adulthood*, 8(6), 443-452.
- LeBaron, A.B., Holmes, E.K., Jorgensen, B.L. & Bean, R.A. (2020), 'Parental financial education during childhood and financial behaviors of emerging adults', *Journal of Financial Counseling and Planning*, 31(1), 42-54.
- Lê Thanh Tâm (2022), *Phát triển hệ sinh thái Fintech cho tài chính toàn diện tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Liébana-Cabanillas, F., Marinkovic, V., De Luna, I.R. & Kalinic, Z. (2018), 'Predicting the determinants of mobile payment acceptance: A hybrid SEM-neural network approach', *Technological Forecasting and Social Change*, 129, 117-130.
- Liu, B., Wang, J., Chan, K.C. & Fung, A. (2021), 'The impact of entrepreneurs's financial literacy on innovation within small and medium-sized enterprises', *International Small Business Journal*, 39(3), 228-246.
- Lown, J.M. (2011), 'Development and validation of a financial self-efficacy scale', *Journal of Financial Counseling and Planning*, 22(2), 54-64.
- Lusardi, A. (2019), 'Financial literacy and the need for financial education: evidence and implications', *Swiss Journal of Economics Statistics*, 155(1), 1-8.
- Lusardi, A., Hasler, A. & Yakoboski, P.J. (2021), 'Building up financial literacy and financial resilience', *Mind & Society*, 20(2), 181-187.
- Lusardi, A. & Mitchell, O.S. (2008), 'Planning and financial literacy: How do women fare?', *American Economic Review*, 98(2), 413-417.
- Lusardi, A. & Tufano, P. (2015), 'Debt literacy, financial experiences, and overindebtedness', *Journal of Pension Economics Finance*, 14(4), 332-368.
- Meyliana, M. & Fernando, E. (2019), 'The influence of perceived risk and trust in adoption of fintech services in Indonesia', *CommIT (Communication and Information Technology) Journal*, 13(1), 31-37.
- Morgan, P.J. & Trinh, L.Q. (2020), 'Fintech and financial literacy in Viet Nam', *ADB Working Paper Series*, ADBI,

Japan.

- Ndassi, A.O., Kala Kamdjoug, J.R. & Gueyie, J.P. (2023), 'Mobile money, bank deposit and perceived financial inclusion in Cameroon', *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 35(1), 14-32.
- Noor, N., Batool, I. & Arshad, H.M. (2020), 'Financial literacy, financial self-efficacy and financial account ownership behavior in Pakistan', *Cogent Economics & Finance*, 8(1), 1-17.
- OECD (2022), *OECD/INFE Toolkit for Measuring Financial Literacy and Financial Inclusion*, OECD Publishing.
- Oquaye, M., Owusu, G.M.Y. & Bokpin, G.A. (2022), 'The antecedents and consequence of financial well-being: A survey of parliamentarians in Ghana', *Review of Behavioral Finance*, 14(1), 68-90.
- Qasim, M. & Siddiqui, D.A. (2021), 'Impact of financial socialization, financial literacy, and attitude towards money on financial well-being in Pakistan: The complementary role of financial self-efficacy, locus of control, and collectivism', *Financial Literacy, and Attitude Towards Money on Financial Well-Being in Pakistan: The Complementary Role of Financial Self-Efficacy, Locus of Control, and Collectivism (October 14, 2021)*, 4(1), 1-31.
- Quốc hội (2010), *Luật số 47/2010/QH12 về Luật các Tổ chức Tín dụng*, ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010.
- Radianto, W.D. & Suryanto, A. (2023), 'Analysis of the benefits of financial technology and financial socialization towards financial behavior in students in Surabaya post pandemic with financial literacy as the intervening variable', *Business and Finance Journal*, 8(1), 30-47.
- Rahayu, R., Ali, S., Aulia, A. & Hidayah, R. (2022), 'The current digital financial literacy and financial behavior in Indonesian millennial generation', *Journal of Accounting and Investment*, 23(1), 78-94.
- Rogers, E.M. (1995), 'Diffusion of Innovations: modifications of a model for telecommunications', *Die diffusion von innovationen in der telekommunikation*, 15, 25-38.
- Sabri, M.F., Anthony, M., Law, S.H., Rahim, H.A., Burhan, N.A.S. & Ithnin, M. (2023), 'Impact of financial behaviour on financial well-being: evidence among young adults in Malaysia', *Journal of Financial Services Marketing*, 1, 1-20.
- Setianingsih, D., Dewi, M. & Chanda, A. (2022), 'The effect of financial knowledge, financial planning, internal locus of control, and financial self-efficacy on financial management behaviour: A case study of SMEs grocery stores', *Jurnal Samudra Ekonomika*, 6(1), 19-30.
- Setiawan, B., Nugraha, D.P., Irawan, A., Nathan, R.J. & Zoltan, Z. (2021), 'User innovativeness and fintech adoption in Indonesia', *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 7(3), 1-18.
- She, L., Waheed, H., Lim, W.M. & E-Vahdati, S. (2023), 'Young adults' financial well-being: current insights and future directions', *International journal of bank marketing*, 41(2), 333-368.
- Shim, S., Xiao, J.J., Barber, B.L. & Lyons, A.C. (2009), 'Pathways to life success: A conceptual model of financial well-being for young adults', *Journal of applied developmental psychology*, 30(6), 708-723.
- Taft, M.K., Hosein, Z.Z., Mehrizi, S.M.T. & Roshan, A. (2013), 'The relation between financial literacy, financial wellbeing and financial concerns', *International Journal of Business Management*, 8(11), 63-75.
- Utkarsh, P.A., Ashta, A., Spiegelman, E. & Sutan, A. (2020), 'Catch them young: Impact of financial socialization, financial literacy and attitude towards money on financial well-being of young adults', *International Journal of Consumer Studies*, 44(6), 531-541.
- Wei, Y., Wang, Z., Wang, H., Li, Y. & Jiang, Z. (2019), 'Predicting population age structures of China, India, and Vietnam by 2030 based on compositional data', *PLoS One*, 14(4), 1-42.
- Widyastuti, U., Suhud, U. & Sumiati, A. (2016), 'The impact of financial literacy on student teachers' saving intention and saving behaviour', *Mediterranean Journal of Social Sciences*, 7(6), 41-49.
- World Bank (2019), *Vietnam Development Report 2019: Connecting Vietnam for Growth and Shared Prosperity*, The World Bank, Hanoi.
- Zhang, T., Lu, C. & Kizildag, M. (2018), 'Banking "on-the-go": examining consumers' adoption of mobile banking services', *International Journal of Quality and Service Sciences*, 10(3), 279-295.
- Zhao, H. & Zhang, L. (2020), 'Talking money at home: the value of family financial socialization', *International Journal of Bank Marketing*, 38(7), 1617-1634.